

Họ và tên:

Lớp: 4A.....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I – LỚP 4

Đề 2

Môn: Toán

Thời gian: 40 phút

Điểm

I. Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. Trong số 5 923 180, chữ số 5 có giá trị bằng bao nhiêu?

- A. 500 000 B. 5 000 000 C. 50 000 D. 50 000 000

2. Số “Năm trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm linh tư nghìn, ba trăm chín mươi hai” được viết là:

- A. 565 004 392 B. 560 004 392 C. 565 040 392 D. 565 004 932

3. $5\text{m}^2 28\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

- A. 5028 B. 528 C. 50028 D. 500028

4. Có bao nhiêu số x có ba chữ số thoả mãn $x < 105$

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

5. Trung bình cộng của ba số: 8690, 7695, 10495 là:

- A. 8570 B. 8960 C. 8970 D. 8980

6. 5 tấn 75kg =kg

- A. 5075 B. 675 C. 50075 D. 1275

7. Một hình vuông có chu vi 20 m, diện tích hình vuông đó bằng bao nhiêu m^2 ?

- A. 15 m^2 B. 20 m^2 C. 25 m^2 D. 400 m^2

8. Một ô tô chở 5 chuyến hàng thì được 2565 thùng hàng. Hỏi nếu ô tô đó chở 15903 thùng hàng thì cần bao nhiêu chuyến? (Biết số hàng mỗi chuyến ô tô chở là như nhau)

- A. 34 thùng hàng B. 33 thùng hàng C. 32 thùng hàng D. 31 thùng hàng

II. Giải các bài tập sau:

Bài 1: Tính giá trị biểu thức.

a) $124 \times 26 + 7267$

=.....

=.....

b) $1320 + 12\,012 : 429$

=.....

=.....

Bài 2: Đặt tính rồi tính (Phép chia mỗi ô chỉ viết 1 số)

$35269 + 27485$	$80326 - 45719$	1123×19	$2488 : 35$
--	--	---	---

Bài 3: Tổng số học sinh của trường A và trường B là 2196. Biết số học sinh trường A ít hơn số học sinh trường B 118 học sinh. Hỏi mỗi trường có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Đáp số: Trường A:.....học sinh

Trường B:.....học sinh

Bài 4: a) Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$145 \times 99 + 145$

=.....
=.....
=.....
=.....

$134 \times 35 - 35 \times 34$

=.....
=.....
=.....
=.....